

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HSST
Ngày: 09-6-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm C1 khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 5 năm 2025, đối với:

1. Bị cáo: Đỗ Văn C, sinh năm 1982. ĐKKH và cư trú: Số nhà 57 phố BL, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T5 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L5; Vợ, con: chưa có.

Nhân thân: Bản án số 157/2019/HSST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xử phạt 20 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2021 và các quyết định khác của bản án).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2024 đến ngày 13/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C1 an tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị cáo: Bùi Đức T, sinh năm 1983. Nơi ĐKKH và cư trú: thôn N, xã HL, huyện TH, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá:

12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức T6 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N6 (đã chết) Vợ Phạm Thị T6, có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2022.

Nhân thân: Bản án số 05/2016/HSST ngày 25/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, xử phạt 45 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/2018 và các quyết định khác của bản án).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 13/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C1 an tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

3. Bị cáo: Đỗ Ngọc B, sinh năm 1988. Nơi ĐKKH và cư trú: thôn B, xã HL, huyện TH, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc H7 và bà Lương Thị N7; Vợ Nguyễn Thị H7, có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 13/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C1 an tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

4. Bị cáo: Nguyễn Sỹ C1, sinh năm 1990; ĐKKH và cư trú: Thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ H8 (đã chết) và bà Mai Thị L8 (đã chết); Vợ, con: Chưa.

Nhân thân:

+ Bản án số 49/2009/HSST ngày 18/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2015 và các quyết định khác của bản án).

+ Bản án số 29/2019/HSST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, xử phạt 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/6/2020 và các quyết định khác của bản án).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2024 đến ngày 13/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C1 an tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

*** Người chứng kiến:** Anh Phạm Văn L1, anh Lê Hữu L2, anh Chủ Hữu TA, chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Văn D1, bà Đinh Thị H1, anh Bùi Ngọc S1 và anh Nguyễn Mạnh H1 (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn C thuê phòng trọ của anh Nguyễn Văn D1, ở thôn Tiên, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng từ tháng 10 năm 2024 và ở một mình. Đỗ Văn C, Bùi Đức T, Đỗ Ngọc B, Nguyễn Sỹ C1 là bạn bè quen biết và đều là người sử dụng ma túy. Tháng 10 năm 2024 và tháng 11 năm 2024 Đỗ Văn C và Bùi Đức T đã mua ma túy đá của Nguyễn Mạnh H1 ở số nhà 179/93 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về sử dụng và bán kiếm lời, cụ thể:

*** Đối với hành vi của Bùi Đức T và Đỗ Ngọc B:**

Sáng ngày 11/10/2024, Bùi Đức T gọi điện thoại từ số 0363.993.499 của T đến số điện thoại 0973.543.593 của Nguyễn Mạnh H1 hỏi mua 05 túi ma túy, H đồng ý và bảo 2.500.000đồng/túi, tổng là 12.500.000đồng, T đồng ý và bảo H mang ma túy đến nhà cho T. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H đi xe mô tô đến nhà T ở thôn Nam, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đưa 05 túi ma túy cho T, T thanh toán tiền bằng cách trừ nợ 7.000.000đồng của H, chuyển khoản 4.000.000đồng từ tài khoản số 5676787891982 ngân hàng MBbank của T đến tài khoản số 0973543593 ngân hàng MBbank của H, còn 1.500.000đồng đưa trực tiếp cho H. Sau khi mua được ma túy, T xúc mỗi túi một ít cho vào 02 túi nilon, số ma túy còn lại vẫn để trong 05 túi để bán kiếm lời.

Ngày 30/10/2024, Đỗ Văn C gọi điện từ số 0372.569.699 đến số điện thoại 0363.993.499 của T hỏi mua 05 túi ma túy. Vì có sẵn ma túy mua của H nên T đồng ý và bảo mỗi túi ma túy là 2.500.000đồng, tổng số tiền 12.500.000đồng, C đồng ý. T hẹn giao ma túy tại khu vực chân cầu vượt 789, thuộc địa phận phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô BKS 34K1-051.95 của chị Phạm Thị T (là vợ T) đến chỗ hẹn thì gặp C đi xe mô tô (mượn của bạn không quen biết) đến. Tại đây, T đưa 05 túi ma túy đá cho C. C cầm ma túy về phòng trọ ở thôn Tiên, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng cất giấu dưới gầm bình nước lọc, mục đích để bán kiếm lời. Sau đó, C chuyển khoản 14.000.000đồng từ tài khoản số 1020723856

ngân hàng Vietcombank của C đến tài khoản số 5676787891982 ngân hàng MBbank của T, trong đó 12.500.000đồng là tiền mua ma túy, còn 1.500.000đồng là tiền C1 cho T nhưng T không lấy nên mấy hôm sau T đến phòng trọ trả 1.500.000đồng cho C.

Sáng ngày 05/11/2024, T lấy một phần ma túy bớt lại sau khi mua của H cho vào coóng thủy tinh sử dụng tại nhà mình rồi để bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 túi ma túy trên mặt tủ, còn 01 túi ma túy T cất giấu trong người. Chiều cùng ngày, Đỗ Ngọc B đến nhà T chơi, thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T vẫn còn ma túy đá trong coóng, Bản đã tự ý lấy sử dụng hết. Sau khi sử dụng ma túy thì Bản ở lại nhà T ngủ (Bản thường xuyên ngủ ở nhà T).

Khoảng 01 giờ ngày 06/11/2024, Lê Văn L1, ở thôn Nam, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương gọi điện từ số 0986.358.286 của L1 đến số điện thoại 0363.993.499 của T hỏi mua 01 túi ma túy đá với số tiền 300.000đồng. T đồng ý và yêu cầu L1 chuyển tiền trước. L1 sử dụng tài khoản số 0341005813832 ngân hàng Vietcombank của L1 chuyển 300.000đồng đến tài khoản số 5676787891982 ngân hàng MBbank của T. Sau khi nhận được tiền, T gọi điện cho Bản nói cầm túi ma túy đá trên nóc tủ bán cho L1. Bản đồng ý và sử dụng xe mô tô BKS 34K1-051.95 của chị Phạm Thị T đến nhà L1 đưa ma túy. Sau khi nhận được ma túy, L1 đã sử dụng hết.

*** Đối với hành vi của Đỗ Văn C và Nguyễn Sỹ C1:**

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 05/11/2024, Nguyễn Mạnh H1 gọi điện thoại từ số 0973.543.593 của H đến số điện thoại 0372.569.699 của Đỗ Văn C báo có ma túy “ngon”, C mua không thì C nói mua 01 túi ma túy và 50 viên ma túy loại hồng phiến. H báo 01 túi ma túy giá 2.500.000đồng và 50 viên hồng phiến giá 3.500.000đồng. C đồng ý và báo H cầm ma túy đến phòng trọ cho C. Sau đó, C chuyển khoản số tiền 6.000.000đồng từ tài khoản số 51012366889999 ngân hàng MBbank của C đến tài khoản ngân hàng MBbank số 0973543593 của H. Khoảng 12 giờ cùng ngày, H đi xe mô tô đến phòng trọ đưa ma túy cho C. Sau đó, C lấy một ít ma túy cho vào coóng thủy tinh để sử dụng và chia thành 05 túi nhỏ đựng trong một hộp nhựa trắng để dưới gầm bàn, phần ma túy còn lại C để trong túi nilon cất giấu trong túi quần treo trên móc áo dây phơi, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Số ma túy hồng phiến C đã sử dụng hết.

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 06/11/2024, khi C đang ở phòng trọ thì Nguyễn Sỹ C1 (là bạn của C) đến chơi. Tiếp đó, Phạm Văn L1, ở số 201 Đỗ

Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương đến đưa đồ ăn cho C. Khi vào phòng trọ, L1 hỏi C để ma túy ở đâu cho L1 sử dụng thì C chỉ bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã có sẵn ma túy (C sử dụng ngày 05/11/2024) để L1 sử dụng. Trong lúc L1 sử dụng ma túy, C không để ý thì C1 lấy hộp nhựa đựng 05 túi ma túy đá mà C cất giấu dưới gầm bàn cho vào túi áo khoác bên trái rồi đi về. Khi C1 đi ra cửa phòng trọ thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra C1 an tỉnh Hải Dương bắt quả tang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 an huyện Cẩm Giàng tiến hành xét nghiệm mẫu nước tiểu bằng thanh thử Fastep tìm chất ma túy đối với Đỗ Văn C, Phạm Văn L1, Nguyễn Sỹ C1, Lê Văn L1, Đỗ Ngọc B, Bùi Đức T đều có kết quả dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 457/KL-KTHS ngày 09/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự C1 an tỉnh Hải Dương, kết luận: Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 05 túi nilon màu trắng, bên trong hộp nhựa màu trắng thu của Nguyễn Sỹ C1 (ký hiệu M1), gửi đến giám định là ma túy loại: Methamphetamine. Tổng khối lượng là: 0,796gam. Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 05 túi nilon màu trắng, thu của Đỗ Văn C (ký hiệu M2), gửi đến giám định là ma túy loại: Methamphetamine. Tổng khối lượng là: 19,722gam. Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng thu của Đỗ Văn C (ký hiệu M3), gửi đến giám định là ma túy loại: Methamphetamine. Khối lượng là: 4,463gam. Mẫu chất màu trắng đục bám dính bên trong bầu coóng thủy tinh (ký hiệu M4), gửi đến giám định, là ma túy loại: Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Kết luận giám định số 462/KL-KTHS ngày 10/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự C1 an tỉnh Hải Dương, kết luận: Các cục tinh thể màu trắng trong túi nilon màu trắng do Bùi Đức T giao nộp là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng là 1,308gam.

Về vật chứng vụ án: Đối với 25,341gam ma túy loại Methamphetamine; 13 vỏ túi nilon màu trắng; 01 hộp nhựa màu trắng; 01 vỏ bao thuốc Sài Gòn; 07 vỏ phong bì được niêm phong; 01 coóng thủy tinh; 01 hộp bìa catton; 01 chai nhựa; 01 ống hút; 01 bật lửa ga; 01 điện thoại di động của Bùi Đức T; 02 điện thoại của Đỗ Văn C và 01 điện thoại di động của Đỗ Ngọc B đang được quản lý tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự C1 an tỉnh Hải Dương.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 23/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đỗ Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Đức T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Ngọc B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ C1 phạm tội "Chiếm đoạt chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 252 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật được nêu trong nội dung bản Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương thực hành quyền C1 tố giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Bùi Đức T và bị cáo Đỗ Ngọc B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Nguyễn Sỹ C1 phạm tội "Chiếm đoạt chất ma túy".

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn C.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn C từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung từ 14 năm 03 tháng đến 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/11/2024.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Đức T.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T từ 10 năm 08 tháng đến 11 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Ngọc B.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc B từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 252; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Sỹ C1.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sỹ C1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 25,341gam ma túy loại Methamphetamine; 13 vỏ túi nilon màu trắng; 01 hộp nhựa màu trắng; 01 vỏ bao thuốc Sài Gòn; 07 vỏ phong bì được niêm phong; 01 coóng thủy tinh; 01 hộp bìa catton; 01 chai nhựa; 01 ống hút và 01 bật lửa ga.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước trị giá: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A05 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu đen và 01 điện thoại Sam Sung Galasy S22 màu đen.

Truy thu số tiền 12.800.000đ của bị cáo T để sung quỹ Nhà nước (chưa thu).

Tịch thu tiêu hủy số sim 0896.500.076; sim số 0896.226.693; sim số 0367.663.258; sim số 0981.221.482; sim số 0372.569.699; sim số 0337.891.982 và số sim 0363.993.499 và đề nghị doanh nghiệp viễn thông Viettel và Mobifone thu hồi lại số viễn thông theo quy định.

Đối với số tiền 9.812.291đồng được phong tỏa tại tài khoản số 51012366889999 ngân hàng MBbank của C; số tiền 714.345đồng được phong tỏa tại tài khoản số 1020723856 ngân hàng Vietcombank của C; số tiền 544.759đồng được phong tỏa tại tài khoản số 2428121699 ngân hàng Techcombank, sau khi khấu trừ tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng thì các tài khoản trên sẽ được gỡ phong tỏa và trả lại số tiền còn lại trong tài khoản cho bị cáo C.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đỗ Văn C; Bùi

Đức T; Đỗ Ngọc B và Nguyễn Sỹ C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C1 an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai người chứng kiến; vật chứng thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 30/10/2024, tại khu vực cầu vượt 789, thuộc địa bàn phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, Bùi Đức T có hành vi bán trái phép 05 túi ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 19,722gam cho Đỗ Văn C với số tiền 12.500.000đồng.

Khoảng 01 giờ ngày 06/11/2024, tại thôn Nam, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Bùi Đức T và Đỗ Ngọc B có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy loại Methamphetamine với số tiền 300.000đồng cho Lê Văn L1 để sử dụng. Ngoài ra, T còn cất giấu 01 túi ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,308gam mục đích để bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy T bán cho C và cất giấu mục đích để bán kiếm lời là 21,030gam, loại Methamphetamine.

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 06/11/2024, tại phòng trọ của Đỗ Văn C ở thôn Tiền, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, Nguyễn Sỹ C1 có hành vi chiếm đoạt 05 túi ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,796gam của

C cất giấu dưới gầm bàn. Đỗ Văn C có hành vi cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine, chuẩn bị dụng cụ, địa điểm để tổ chức cho Phạm Văn L1 sử dụng trái phép. Ngoài ra Đỗ Văn C còn cất giấu 06 túi ma túy, loại Methamphetamine có tổng khối lượng 24,185gam để sử dụng và bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy C cất giấu mục đích để sử dụng và bán kiếm lời là 24,981gam loại Methamphetamine.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ Ch sách quản lý độc quyền, kiểm soát của Nhà nước về các chất ma túy; xâm phạm trật tự an ninh xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Ma túy đang là hiểm họa của toàn xã hội, là chất gây nghiện có tác hại lớn không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe về tinh thần, thể chất và tài sản của người sử dụng; gây lo lắng buồn phiền cho những người thân trong gia đình mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không chịu lao động tu dưỡng rèn luyện bản thân và nhận thức rõ ma túy là chất Nhà nước cấm mua bán, tàng trữ, sử dụng khi không được Nhà nước cho phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" vào ngày 06/11/2024 bị cáo T là người bán ma túy nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Bản giúp T mang ma túy đến bán cho Lê Văn L1 nên giữ vai trò thứ hai. Do vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Bản đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo C do muốn hưởng lợi từ việc mua bán ma túy nên đã dùng tiền của mình mua ma túy về để sử dụng cho bản thân và bán cho người khác nhằm kiếm lời, sau đó cho L1 sử dụng ma túy và L1 đã lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn trong gầm giường của C để sử dụng. Vì vậy, C phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C1 lợi dụng lúc L1 sử dụng ma túy, C không để ý, C1 đã có hành vi lấy trộm hộp nhựa đựng 05 túi ma túy đá của C mà C không biết tại gầm bàn cho vào túi áo khoác bên trái rồi đi về. Do đó, hành vi của bị cáo C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chiếm đoạt chất ma túy" quy định tại điểm c khoản

1 Điều 252 Bộ luật Hình sự nên bị cáo C1 chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi của mình đã thực hiện. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (viết tắt TNHS): Về nhân thân: Bị cáo C, bị cáo T và bị cáo C1 là người có nhân thân xấu; bị cáo Bản chưa có tiền án tiền sự là người có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo T, bị cáo Bản tự nguyện đến cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi của mình; bị cáo Bản có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba; Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Huân chương chiến sỹ giải phóng nên bị cáo T, bị cáo Bản được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, nghiêm trọng với lỗi cố ý cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo trở thành C1 dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm ma túy.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, hiện đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 25.341gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 13 vỏ túi nilon màu trắng; 01 hộp nhựa màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Sài Gòn; 07 vỏ phong bì được niêm phong; 01 coóng thủy tinh; 01 hộp bìa catton; 01 chai nhựa; 01 ống hút; 01 bật lửa là những dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với sim số 0896.500.076 của T; sim số 0896.226.693 và sim số

0367.663.258 của Bản; sim số 0981.221.482 và sim số 0372.569.699 của C (các sim đều không còn tiền trong tài khoản) cần tịch thu tiêu hủy. Đối với điện thoại di động gắn sim 0337.891.982 của T liên lạc mua bán ma túy, T đã đập vỡ và sim số 0337.891.982 số 0363.993.499 T đã bỏ gây nên không quản lý được và đề nghị Tập đoàn C1 nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel và tập đoàn viễn thông MobiFone đang cung cấp dịch vụ thu hồi các số thuê bao di động vi phạm pháp luật theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

Đối với điện thoại di động Iphone 13 ProMax của bị cáo T; điện thoại di động Samsung A05 màu xanh của bị cáo Bản; điện thoại di động Iphone 11 Pro màu đen và điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 màu đen của bị cáo C. Xác định là C1 cụ phương tiện mà các bị cáo sử dụng liên hệ vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 12.800.000 đồng bị cáo T bán ma túy cho bị cáo C và cho L1 thì T đã chi tiêu cá nhân nên cần truy thu để sung quỹ nhà nước.

[7]. Các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy mà Bùi Đức T bán cho Đỗ Văn C và tối ngày 30/10/2024 T bán cho Lê Văn L1; nguồn gốc ma túy của Đỗ Văn C cất giấu và bị Nguyễn Sỹ C1 chiếm đoạt. Bùi Đức T và Đỗ Văn C đều khai mua của Nguyễn Mạnh H1, địa chỉ: đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Cơ quan CSĐT C1 an tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Mạnh H1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đã tách ra và giải quyết trong vụ án khác.

Đối với nguồn gốc số ma túy mà Nguyễn Sỹ C1 sử dụng vào tối ngày 05/11/2024. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng do thông tin về đối tượng bán ma túy cho Nguyễn Sỹ C1 không rõ ràng nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn D1 chủ nhà trọ không biết Đỗ Văn C cất giấu ma túy trong phòng trọ và cho L1 sử dụng ma túy tại phòng trọ nên không có căn cứ xử lý anh Nguyễn Văn D1.

Chị Phạm Thị T (là vợ bị cáo T) không biết việc Bùi Đức T và Đỗ Ngọc B sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 34K1-051.95 của chị đi bán ma túy cho L1 nên không có căn cứ xử lý.

Hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" của Nguyễn Sỹ C1, Đỗ Văn C và Phạm Văn L1. Ngày 21/02/2025, C1 an huyện Cẩm Giàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành Ch là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" vào ngày 05/11/2024 tại thôn Nam, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương của Bùi Đức T, Đỗ Ngọc B, Lê Văn L1. Ngày 18/02/2025, C1 an huyện Cẩm Giàng đã có C1 văn chuyển hồ sơ đề nghị C1 an huyện Thanh Hà xử lý theo thẩm quyền.

Đối với số ma túy mà Bùi Đức T cất giấu tại nhà ở và số ma túy mà Đỗ Văn C cất giấu tại phòng trọ nơi Đỗ Văn C thuê không ai biết nên không có căn cứ xử lý.

Đối với thông tin thuê bao sim số 0367.663.258 xác minh tại Tập đoàn viễn thông quân đội xác định chủ đăng ký thuê bao là bà Đinh Thị H1, địa chỉ: xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Bà Hương xác định từ trước đến nay chưa bao giờ đăng ký số điện thoại 0367.663.258 và không biết ai lấy thông tin cá nhân của bà để đăng ký, sử dụng thuê bao trên. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với bà Hương.

Đối với thông tin thuê bao sim số 0363.993.499 xác minh tại Tập đoàn viễn thông quân đội xác định chủ đăng ký thuê bao là chị Phạm Thị T, địa chỉ: thôn Nam, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và thông tin thuê bao sim số 0337.891.982 đăng ký chủ thuê bao tên anh Bùi Ngọc S1, địa chỉ: thôn Bắc, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với chị Thu, anh Sơn xác định không đăng ký, không sử dụng số điện thoại 0363.993.499; 0337.891.982 và không biết ai là người đăng ký, sử dụng, không quen biết Bùi Đức T. Vì vậy không có căn cứ xử lý đối với chị Thu, anh Sơn.

Đối với số tiền 9.812.291 đồng được phong tỏa tại tài khoản số 51012366889999 ngân hàng MBbank của C; số tiền 714.345 đồng được phong tỏa tại tài khoản số 1020723856 ngân hàng Vietcombank của C; số tiền 544.759 đồng được phong tỏa tại tài khoản số 2428121699 ngân hàng Techcombank của C theo Lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 an tỉnh Hải Dương. Sau khi khấu trừ tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng thì các tài khoản trên sẽ được gỡ phong tỏa và trả lại số tiền còn lại trong tài khoản cho bị cáo C.

Đối với tài khoản số 5676787891982 ngân hàng MBbank của bị cáo T, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 an tỉnh Hải Dương đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 667/LPT- CSMT ngày 18/11/2024. Tuy nhiên xác định trong tài khoản không còn tiền nên cần gỡ lện phong tỏa tài khoản số 5676787891982 cho bị cáo T.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn C.

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Đức T.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Ngọc B.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 252; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Sỹ C1.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Bùi Đức T và bị cáo Đỗ Ngọc B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Nguyễn Sỹ C1 phạm tội "Chiếm đoạt chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn C 11 (mười một) năm 10 (mười) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung **14** (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/11/2024.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T **10** (mười) năm **08** (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2024.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc B **02** (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sỹ C1 **01**(một) năm **05** (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/11/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

+ Tịch thu tiêu hủy: 25,341gam ma túy loại Methamphetamine; 13 vỏ túi nilon màu trắng; 01 hộp nhựa màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Sài Gòn; 07 vỏ phong bì được niêm phong; 01 coóng thủy tinh; 01 hộp bìa catton; 01 chai

nhựa; 01 ống hút; 01 bật lửa ga; sim số 0896.500.076; sim số 0896.226.693; sim số 0367.663.258; sim số 0981.221.482; sim số 0372.569.699 (các sim đều không còn tiền trong tài khoản) đề nghị Tập đoàn C1 nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel và tập đoàn viễn thông MobiFone đang cung cấp dịch vụ thu hồi các số thuê bao di động vi phạm pháp luật gồm: sim số 0896.500.076; sim số 0896.226.693; sim số 0367.663.258; sim số 0981.221.482; sim số 0372.569.699; sim số 337.891.982 và số sim 0363.993.499.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước giá trị: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A05 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 màu đen.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.800.000đồng của bị cáo Bùi Đức T đã bán ma túy cho Đỗ Văn C và Lê Văn L1 (chưa thu).

+ Đối với số tiền 9.812.291đồng được phong tỏa tại tài khoản số 51012366889999 ngân hàng MBbank của C; số tiền 714.345đồng được phong tỏa tại tài khoản số 1020723856 ngân hàng Vietcombank của C; số tiền 544.759đồng được phong tỏa tại tài khoản số 2428121699 ngân hàng Techcombank của C (theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 663/LPT- CSMT ngày 18/11/2024; Lệnh phong tỏa tài khoản số 668/LPT- CSMT ngày 19/11/2024 và Lệnh phong tỏa tài khoản số 669/LPT- CSMT ngày 19/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 an tỉnh Hải Dương). Sau khi khấu trừ tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng thì các tài khoản trên sẽ được gỡ phong tỏa và trả lại số tiền còn lại trong tài khoản cho bị cáo C.

Đối với tài khoản số 5676787891982 ngân hàng MBbank của bị cáo T trong tài khoản không còn tiền nên cần gỡ lệnh phong tỏa tài khoản cho bị cáo T.

(Số vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa C1 an tỉnh Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng vào ngày 14/5/2025).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đỗ Văn C; Bùi Đức T; Đỗ Ngọc B và Nguyễn Sỹ C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
 - VKSND huyện Cẩm Giàng;
 - VKSND tỉnh Hải Dương;
 - Cơ quan CSĐT- C1 an tỉnh Hải Dương;
 - Cơ quan THAHS C1 an tỉnh Hải Dương;
 - Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Hải Dương
 - Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
 - Trại tạm giam C1 an tỉnh Hải Dương; -
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Hà